

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2019

**BẢN TIN TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TRÊN LƯU VỰC DÒNG CHÍNH SÔNG ĐỒNG NAI, VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**  
**NĂM 2019**

(Tuần từ ngày 23 tháng 8 năm 2019 đến ngày 29 tháng 8 năm 2019)

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	
Biên Hòa	94,8	1.093,5	+ 5,5	- 7,5	- 18,2	+ 12,1	+ 31,3	77,14
Bà Rịa	71,0	1.195,3	+ 33,9	+ 60,0	+ 13,4	+ 82,8	+ 49,2	65,02
Bù Đăng	45,6	1.564,4	- 0,2	- 25,3	- 9,6	+ 19,1	+ 15,7	76,08
Long Thành	87,2	1.169,8	+ 8,9	+ 49,7	+ 7,7	+ 34,3	+ 35,3	76,10
Nhà Bè	21,0	814,0	- 7,9	- 17,8	- 10,4	+ 28,6	+ 44,7	53,16
Phước Hòa	104,6	907,9	- 19,0	+ 18,0	- 24,0	+ 0,3	+ 2,7	80,17
Tà Lài	41,5	1.251,6	- 19,9	- 8,0	- 24,3	- 10,4	+ 9,4	65,85
Trị An	60,1	1.336,6	+ 15,1	+ 38,6	+ 37,9	+ 29,9	+ 91,3	64,27
Túc Trưng	84,8	1.433,5	+ 16,0	+ 89,3	+ 19,3	+ 25,9	+ 54,5	73,00
Vũng Tàu	27,3	568,4	- 34,2	- 21,6	- 44,6	- 5,6	- 32,8	60,28
Xuân Lộc	30,4	748,1	- 36,5	- 36,0	- 44,4	- 43,0	- 24,7	60,97
Xuyên Mộc	17,2	1.006,4	+ 12,6	+ 81,1	+ 1,1	+ 50,2	+ 20,3	59,05
<b>Trung bình</b>	<b>57,1</b>	<b>1.090,8</b>	<b>- 2,1</b>	<b>+ 18,4</b>	<b>- 8,0</b>	<b>+ 18,7</b>	<b>+ 24,7</b>	<b>67,6</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

**Nhận xét:**

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực khoảng 57 mm, thấp hơn TBNN 2,1%, cao hơn năm 2018 là 18,4% và thấp hơn 8,0% so với năm 2017. Lượng mưa lớn nhất trong tuần tại trạm Phước Hòa (104,6 mm) và lượng mưa nhỏ nhất trong tuần trạm Xuyên Mộc (17,2 mm). Cục bộ, tại trạm Phước Hòa xuất hiện mưa to với vũ lượng 78 mm vào ngày 20/8. Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 67,6 mm, có xu hướng cao hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017	2016		
Hồ Suối Vọng	4	0,84	21,12	- 55,8	- 61,7	- 54,3	- 60,5	Tăng	57,04
Hồ Gia Ui	10,8	3,51	32,48	- 44,2	- 43,4	- 62,6	- 45,4	Tăng	56,57
Hồ Núi Le	3,5	2,83	80,82	- 2,4	- 3,4	+ 7,2	+ 4,0	Tăng	68,84
Hồ Suối Đầm	1,2	0,73	60,62	- 26,5	- 39,4	- 30,0	- 10,2	Tăng	91,25
Hồ Suối Rang	2,6	1,79	68,75	+ 17,4	- 8,7	- 0,3	+ 58,2	Tăng	72,33
Hồ Giao Thông	0,50	0,15	30,00	- 90,4	- 42,3	- 55,9	- 97,3	-	45,68
Hồ Sông Mây	15	10,72	71,46	+ 5,2	0	- 2,4	- 1,6	Tăng	77,47
Hồ Mo Nang	1,15	0,67	58,21	+ 18,1	+ 18,1	+ 9,7	+ 42,4	Tăng	88,57
Hồ Suối Đồi	1,2	0,98	81,70	+ 8,5	- 7,0	+ 2,1	+ 42,1	Tăng	94,55
Hồ Cầu Mới tuyến V	9	9,00	100,00	- 60,3	- 87,7	- 1,9	+ 49,2	Tăng	76,22
Hồ Cầu Mới tuyến VI	21	10,34	49,24	- 60,7	- 87,5	- 14,4	+ 72,3	Tăng	50,38
Hồ Suối Tre	0,64	0,47	72,92	- 27,1	- 26,0	- 39,4	- 13,6	Tăng	99,22
Hồ Đa Tôn	19,4	9,06	46,71	+ 5,5	- 8,9	- 23,7	+ 67,2	Tăng	94,74
Hồ Bà Long	1,2	1,01	84,41	+ 60,2	- 15,6	+ 111,0	+ 147,1	Tăng	84,82
Hồ Thanh Niên	0,6	0,54	90,33	+ 13,2	+ 6,1	+ 6,3	+ 30,6	Tăng	85,25
Hồ Sông Ray	215,36	62,52	29,03	- 56,7	- 44,5	- 69,5	- 46,6	Tăng	63,77
Hồ Đá Đen	33,4	23,81	71,29	+ 47,1	+ 25,0	+ 19,3	+ 78,2	Tăng	99,88
Hồ Tâm Bó	5,85	3,36	57,50	- 7,3	- 23,2	- 42,5	+ 60,6	Tăng	61,96
Hồ Đá Bàn	11,35	5,50	48,42	+ 22,3	- 0,1	+ 9,9	+ 145,3	Tăng	51,71
Hồ Lô Ô	6	4,93	82,14	+ 7,5	- 3,0	- 3,0	+ 51,6	Tăng	84,83
Hồ Suối Giàu	12,2	6,69	54,84	+ 18,3	+ 83,8	- 42,3	+ 123,0	Tăng	53,1
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>375,95<sup>(*)</sup></b>	<b>159,45</b>	<b>42,41</b>	<b>- 9,9</b>	<b>- 17,6</b>	<b>- 13,2</b>	<b>+ 33,2</b>		<b>68,50</b>

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (\*): Giá trị tổng.

### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 375,95 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 22/8/2019 ở mức trung bình so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 159,45 triệu m<sup>3</sup> (đạt 42,41% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, thấp hơn cùng kỳ năm 2018 và TBNN, cao hơn so với cùng kỳ năm 2016. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTTK như: hồ Đá Bàn (dung tích trữ chỉ đạt 48,42% DTTK) và hồ Sông Ray (29,03% DTTK) thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hồ Suối Vọng (21,12% DTTK), hồ Đa Tôn (46,71% DTTK), hồ Cầu Mới tuyến VI (49,24% DTTK), hồ Gia Ui (32,48% DTTK) và hồ Giao Thông (30,0% DTTK) thuộc tỉnh Đồng Nai.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 1. Khả năng cấp nước

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 8 của vụ Hè Thu năm 2019 của 21 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) là **19,83** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2019				
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 8 cho vụ Hè Thu ( $10^6 \text{ m}^3$ )
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.363,0</b>	<b>1.229,0</b>	<b>1.263,0</b>	<b>330,6</b>	<b>19,83</b>
1	Hồ Suối Vọng			0		0,00
2	Hồ Gia Ui	191,75				0,24
3	Hồ Núi Le					0,12
4	Hồ Suối Đầm					0,00
5	Hồ Suối Rang			50		0,02
6	Hồ Giao Thông					0,00
7	Hồ Sông Mây	396,23	20		320,59	0,93
8	Hồ Mo Nang	36			4	0,04
9	Hồ Suối Đồi	10				0,02
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	39	550		3	2,83
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI					
12	Hồ Suối Tre					0,00
13	Hồ Đa Tôn	850	13		3	0,52
14	Hồ Bà Long	45				0,04
15	Hồ Thanh Niên	45		5		0,04
16	Hồ Sông Ray	2.374,00	521	878		4,17
17	Hồ Đá Đen			300		5,92
18	Hồ Tâm Bó	313				0,48
19	Hồ Đá Bàn	1.570,00				3,70
20	Hồ Lò Ô	106				0,16
21	Hồ Suối Giàu	387	125	35		0,63

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 8 năm 2019 ( $10^6 \text{ m}^3$ )
1	Hồ Suối Vọng	3,17
2	Hồ Gia Ui	4,29
3	Hồ Núi Le	3,70
4	Hồ Suối Đầm	2,51
5	Hồ Suối Rang	2,99
6	Hồ Giao Thông	0,21
7	Hồ Sông Mây	6,70
8	Hồ Mo Nang	0,27
9	Hồ Suối Đồi	0,52
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	7,21
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI	9,77
12	Hồ Suối Tre	1,73
13	Hồ Đa Tôn	9,49
14	Hồ Bà Long	0,38
15	Hồ Thanh Niên	0,12
16	Hồ Sông Ray	115,64
17	Hồ Đá Đen	20,30
18	Hồ Tâm Bó	2,42
19	Hồ Đá Bàn	3,25
20	Hồ Lò Ô	4,23
21	Hồ Suối Giàu	3,06

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 8 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 23/8/2019 đến ngày 29/8/2019 như sau:

- **21/21 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Vọng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le, hồ Suối Đầm, hồ Suối Rang, hồ Giao Thông, hồ Sông Mây, hồ Mo Nang, hồ Suối Đồi, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Suối Tre, hồ Đa Tôn, hồ Bà Long, hồ Thanh Niên, hồ Sông Ray, hồ Đá Đen, hồ Tầm Bó, hồ Đá Bàn, hồ Lò Ô, hồ Suối Giàu.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2019 từ ngày 23/8/2019 đến 29/8/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Vọng	21,12	0	23,22	100	0	Đủ nước
Hồ Gia Ui	32,48	191,75	33,25	100	191,75	Đủ nước
Hồ Núi Le	80,82	0	87,53	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Đầm	60,62	0	65,00	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Rang	68,75	50	71,40	100	50	Đủ nước
Hồ Giao Thông	30,00	0	30,00	100	0	Đang sửa chữa
Hồ Sông Mây	71,46	736,82	73,19	100	736,82	Đủ nước
Hồ Mo Nang	58,21	40	60,09	100	40	Đủ nước
Hồ Suối Đồi	81,70	10	86,67	100	10	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến V	100,00	592	100,00	100	592	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến VI	49,24		54,57			Đủ nước
Hồ Suối Tre	72,92	0	73,71	100	0	Đủ nước
Hồ Đa Tôn	46,71	866	50,11	100	866	Đủ nước
Hồ Bà Long	84,41	45	87,09	100	45	Đủ nước
Hồ Thanh Niên	90,33	45	91,26	100	45	Đủ nước
Hồ Sông Ray	29,03	3773	29,73	100	3773	Đủ nước
Hồ Đá Đen	71,29	300	77,38	100	300	Đủ nước
Hồ Tầm Bó	57,50	313	60,66	100	313	Đủ nước
Hồ Đá Bàn	48,42	1570	50,07	100	1570	Đủ nước
Hồ Lò Ô	82,14	106	84,83	100	106	Đủ nước
Hồ Suối Giàu	54,84	547	58,94	100	547	Đủ nước
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>42,41</b>	<b>9.185,57<sup>(*)</sup></b>	<b>44,35</b>	<b>100</b>	<b>9.185,57<sup>(*)</sup></b>	

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> giá trị tổng.

**2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi**

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tà Lài	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cửu	1.317,4	+ 64,4	- 21	- 43	Rủi ro hạn thấp
	Phú Xuân – Tân Phú					
Túc Trưng	Xuân Thiện, Quang Trung – Thống Nhất	1.506,5	+ 88,4	+ 15,7	- 13,9	Rủi ro hạn thấp
Trị An	Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	1.400,9	+ 81,9	+ 13,1	- 19,1	Rủi ro hạn thấp
Long Thành	Bình Sơn, Bình An, Bàu Cạn – Long Thành	1.245,9	+ 83,5	+ 9,0	- 23,4	Rủi ro hạn thấp
<b>Trung bình</b>		<b>1.367,7</b>	<b>+ 79,6</b>	<b>+ 4,2</b>	<b>- 24,9</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 4,2%, cao hơn 79,6% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Mặt khác, khu vực đang trong mùa mưa, mưa sẽ bổ sung thêm lượng nước cho sản xuất nông nghiệp khu vực ngoài khu tưới công trình thủy lợi. Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

### **3. Tổng hợp thông tin hạn hán:**

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
9.185,6	6.363,0	2.822,6					

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 29/8/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 166,72 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 44,35% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 21/21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 29/8/2019 không thay đổi.

Tuy nhiên, khu vực đang trong mùa mưa lũ, để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu, Mùa 2019 và nhằm ứng phó với diễn biến thiên tai có thể xảy ra, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Tăng cường nguồn lực thực hiện các giải pháp phòng, chống, ngập lụt, úng, đảm bảo cấp nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh; **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Khẩn trương kiểm tra, sửa chữa công trình đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong mọi tình huống trong mùa mưa lũ.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 30/8/2019 (tuần sau)/.

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

**VIỆN TRƯỞNG**